

Số: 292/2026/QĐST-HNGĐ

Hải Phòng, ngày 28 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 474/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1983; căn cước công dân số 031083009657; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Chị Trương Thị T1, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1988; căn cước công dân số 031188002910; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Tổ dân phố D, phường A, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thành T và chị Trương Thị T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành T và chị Trương Thị T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Thành T và chị Trương Thị T1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 05/3/2011 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 15/6/2015. Anh T và chị T1 thống nhất thoả thuận giao hai con chung Nguyễn Thị Hồng V và Nguyễn Hoàng L cho anh Nguyễn Thành T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thành T và chị Trương Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Thành T nhận nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Thành T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0001581 ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Hoàn trả anh Nguyễn Thành T số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS TP. Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã An Phong
(ĐKKH số 137; quyền số 01/2009);

THẨM PHÁN

- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

Phạm Tuấn Anh

